

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 209/2019/DSPT
Ngày: 27-11-2019
T/c hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc

Ông Nguyễn Quyển

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân **quận R** bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2019/QĐPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông **Lê Tịnh K**, sinh năm 1961 (Có mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1959 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: **KV T, phường L, quận R, thành phố Cần Thơ.**

Bị đơn:

1/ Ông **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1970 (Có mặt)

2/ Bà **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **khu vực Y, phường Q, quận R, thành phố Cần Thơ.**

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Phạm Ngọc T** và bà **Lê Thị Ngọc T**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06/06/2018, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 10.000.000đồng để làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng, hẹn hai ngày trả nhưng không trả mà tiếp tục vay thêm nhiều lần nữa. Ngày 25/10/2018, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn vay thêm và yêu cầu bị đơn gom tất cả các giấy tờ và đánh máy thành một tờ xác nhận đã mượn tiền và cam kết thời gian trả cho nguyên đơn chậm nhất là ngày 10/11/2018. Như vậy, tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn từ ngày 25/10/2018 đến ngày 09/5/2019 là 138.500.000đồng và lãi suất 5%/tháng là 45.010.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu bị đơn trả 138.500.000đồng.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ý kiến.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận R đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn ông **Phạm Ngọc T** và bà **Lê Thị Ngọc T** phải trả cho nguyên đơn ông Lê Tịnh K và bà Nguyễn Thị H số tiền 138.500.000đồng.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 05 tháng 7 năm 2019 các bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn đề nghị giữ y bản án sơ thẩm và không có ý kiến gì thêm.

*Bị đơn ông **Phạm Ngọc T** trình bày:* Vợ ông là bà **Lê Thị Ngọc T** bệnh không thể tham gia phiên tòa hôm nay, ông đồng ý xét xử vắng mặt bà Thủy và ông có thể thay mặt vợ ông để trình bày ý kiến đối với vụ án này và ông sẽ thông báo cho vợ ông biết về vụ án giải quyết hôm nay. Ông yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Ngọc Thủy. Còn về vụ án, ông giữ nguyên như yêu cầu kháng cáo và không cung cấp chứng cứ mới.

**Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Phía bị đơn cho rằng chỉ vay 67.400.000đồng nhưng không có chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Căn cứ theo biên nhận ngày 25/10/2018 là biên nhận xác định số nợ giữa các bên nên đây là cơ sở để cấp sơ thẩm tuyên án. Từ đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo giấy xác nhận đã mượn và cam kết thời gian trả nợ. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết theo quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử xong bị đơn kháng cáo. Viện Kiểm sát không có kháng nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn đã nêu và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới .

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn có vay tiền nguyên đơn nhiều lần và ngày 25/10/2018 nguyên đơn và bị đơn thống nhất tổng hợp số nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn với số tiền 138.500.000đồng. Xét thấy, theo “*Giấy xác nhận nợ Đã mượn tiền và cam kết thời gian trả tiền*” mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết của các bị đơn. Ở cấp sơ thẩm, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản ý kiến. Sau khi xét xử sơ thẩm xong, các bị đơn kháng cáo cho rằng chỉ nợ nguyên đơn với tổng số tiền là 67.400.000đồng, bị đơn cho rằng bị đơn có ký vào giấy xác nhận nợ ngày

25/10/2018 là do bị ép buộc. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng thừa có ký vào giấy xác nhận nợ ngày 25/10/2018, còn bị đơn cho rằng do bị ép buộc mới ký nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bị ép buộc. Trong khi đó, nguyên đơn khởi kiện cung cấp được giấy xác nhận nợ có chữ ký của bị đơn là cơ sở cho yêu cầu khởi kiện của mình. Hội đồng xét xử cũng đã động viên các bên thương lượng hòa giải, nguyên đơn có xem xét điều kiện hoàn cảnh khó khăn của bị đơn và giải thích pháp luật nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo. Từ các phân tích nêu trên, thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên bản án đã tuyên buộc.

[4] Đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc bị đơn trả lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với đạo đức và quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Từ những phân tích nêu trên cho thấy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 244, Điều 273 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Phạm Ngọc T** và bà **Lê Thị Ngọc T**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn ông **Phạm Ngọc T** và bà **Lê Thị Ngọc T** phải trả cho nguyên đơn ông Lê Tịnh K và bà Nguyễn Thị H số tiền 138.500.000đồng (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông **Phạm Ngọc T** và bà **Lê Thị Ngọc T** phải chịu 6.925.000đồng (Sáu triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí vụ kiện. Nguyên đơn ông Lê Tịnh K và bà Nguyễn Thị H được nhận lại 3.808.000đồng (Ba triệu, tám trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 007111 ngày 04/3/2019.

4. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông **Phạm Ngọc T** và bà **Lê Thị Ngọc T** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 007443 ngày 05/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận R, thành phố Cần Thơ. Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 27/11/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Chi Cục THADS Q. R;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Thị Minh Trang